

# **Vụ kiện các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá sản phẩm fillet cá Tra, cá Basa trên thị trường Mỹ**

**NGUYỄN KHÁNH LONG  
ĐOÀN VĂN TRƯỜNG**

## **I. KHÁI QUÁT DIỄN BIẾN TÌNH HÌNH.**

Kể từ năm 1997, sản phẩm fillet cá Tra, cá Basa của Việt Nam bắt đầu được xuất khẩu sang Mỹ. Ngay sau thời gian đó không lâu, với ưu thế chất lượng cao, giá bán phù hợp, sản phẩm fillet cá Tra và Basa đã được người tiêu dùng “khó tính” Mỹ chấp nhận. Trước tín hiệu khả quan về thị trường lớn, nhiều người đã kỳ vọng vào một thương hiệu Việt Nam có uy tín trên đất Mỹ. Nhưng thực tế, việc xuất khẩu những con cá da trơn Việt Nam sang Mỹ không hề suôn sẻ, các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam lại phải đương đầu với các phiên tòa xét xử do Hiệp hội các chủ trại cá nheo Mỹ (CFA) kiện Việt Nam bán phá giá sản phẩm fillet cá Tra và Basa trên thị trường Mỹ.

### **1. Tìm hiểu khái niệm Catfish**

Catfish là tên tiếng Anh cho tất cả các loài cá da trơn (không có vây) gồm cá Trê, cá Nheo, cá Tra, cá Basa, cá Lăng... Theo hệ thống phân loại ngư học, tất cả các loài cá nói trên đều thuộc về bộ cá nheo (Siluriformes), gồm khoảng 2.500 đến 3.000 loài cá khác nhau, phân bố trong các thủy vực nước ngọt, mặn và lợ trên khắp thế giới.

Về phương diện khoa học, cá da trơn của Việt Nam thuộc giống *Pangasius* cũng như cá nheo nuôi *Ictalurus Puncatalus* ở Mỹ và phần lớn trong số 2.500 loài cá da trơn, thuộc 30 - 35 họ cá, phân bố khắp thế giới, đều được những người nói tiếng Anh gọi là “Catfish”.

### **2. Tình hình diễn biến vụ kiện các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá cá Tra và cá Basa trên thị trường Mỹ**

Trong hai năm 1999 - 2000 lượng cá Tra, cá Basa Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ tăng khá nhanh làm cho các nhà nuôi cá Nheo Mỹ lo ngại. CFA quyết tâm đẩy cá da trơn Việt Nam

khỏi thị trường Mỹ bằng vụ kiện các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá sản phẩm fillet cá Tra và Basa vào thị trường Mỹ. Các chủ trại cá Catfish thuộc Hiệp hội CFA và 8 Doanh nghiệp chế biến thực phẩm của Mỹ uỷ nhiệm cho Công ty luật Akimgam, là Công ty luật đứng hàng thứ 8 về uy tín của Mỹ, khởi kiện các sản phẩm fillet đông lạnh chế biến từ cá Tra và cá Basa của Việt Nam theo Luật chống bán phá giá tại hai tổ chức hữu quan là Bộ Thương mại và Ủy ban thương mại quốc tế của Mỹ. Đơn kiện dày 300 trang với 37 phụ lục kèm theo đã được gửi đi ngày 28-6-2002.

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) đã bắt đầu bước vào cuộc chiến pháp lý với CFA của Mỹ. VASEP đã thuê Công ty luật White & Case đứng hàng thứ 5 về uy tín tại Mỹ làm tư vấn trong vụ kiện này. VASEP đã tập hợp được 14 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra và cá Basa cùng chia sẻ chi phí và kiên quyết theo đến cùng vụ kiện này.

Ngày 9-8-2002, Hội đồng lãnh đạo của Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ (ITC) đã bỏ phiếu sơ bộ kết luận việc gia tăng đột biến trong việc nhập khẩu “một số sản phẩm lườn cá đã bóc xương (fillet) đông lạnh nhất định” từ Việt Nam “có dấu hiệu đe dọa gây tổn hại” tới ngành công nghiệp Catfish của Mỹ. Như vậy vụ kiện không chấm dứt như sự mong đợi của các doanh nghiệp Việt Nam, mà sẽ chuyển sang giai đoạn hai. Trong giai đoạn này Bộ Thương mại Mỹ sẽ bước vào điều tra cá nhập khẩu của Việt Nam có bán phá giá trên thị trường Mỹ hay không và xác định mức phá giá là bao nhiêu. Theo dự kiến Bộ Thương mại

---

Nguyễn Khánh Long, Đoàn Văn Trường, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường - giá cả.

Mỹ sẽ công bố kết luận điều tra sơ bộ vào ngày 5 - 12 -2002.

## II. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC SẢN XUẤT CÁ TRA VÀ CÁ BASA Ở VIỆT NAM

### 1. Tình hình sản xuất

Nuôi cá Tra, cá Basa là nghề sống chủ yếu của rất nhiều hộ dân ở hai tỉnh đầu nguồn là An Giang và Đồng Tháp, sau đó lan nhanh đến Cần Thơ, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang và cả thành phố Hồ Chí Minh. Nuôi cá Tra, cá Basa trong bè là một mô hình nuôi cá công nghiệp cho năng suất, sản lượng cao. Toàn vùng châu thổ sông Cửu Long hiện có hàng nghìn bè và hàng nghìn ao nuôi cá Tra, cá Basa. Hiện nay có khoảng 100.000 người đang sinh sống phụ thuộc vào nghề cá này.

Năm 1995, Trung tâm nghiên cứu quốc tế về phát triển công nghiệp (CIRAD) của Pháp đã phối hợp với Trường đại học Cần Thơ và Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang nghiên cứu sinh sản nhân tạo thành công hai loại cá này và đã sản xuất giống phục vụ người nuôi cá trong vùng, khắc phục được những khó khăn về nguồn giống cho bà con ngư dân. Từ khi có nguồn giống rẻ và chủ động được nguồn giống, các nhà bè nuôi cá phát triển mạnh mẽ.

Sau khi làng bè nuôi cá phát triển mạnh sản lượng cá Tra, cá Basa tăng từ 20.000 tấn năm 1997 lên 120.000 tấn năm 2001 và còn đang tiếp tục tăng nhanh hơn nữa ở đồng bằng sông Cửu Long. Vốn đầu tư vào nuôi cá vẫn đang tiếp tục phát triển nhanh.

### 2. Phân tích giá thành tại hộ nuôi cá Tra và cá Basa

#### a. Phân tích đầu vào

+ *Chi phí đầu tư ban đầu.* Nuôi cá bằng bè đầu tư rất lớn, giá đóng bè tùy thuộc vào kích thước bè và nguyên liệu sử dụng. Với bè nuôi khoảng 30 tấn cá thành phẩm thì chi phí đóng bè khoảng 100 triệu đồng. Bè nuôi 50 - 60 tấn thì chi phí đóng bè khoảng 200 triệu đồng. Còn với những bè nuôi khoảng 100 tấn thì chi phí khoảng 350 - 380 triệu đồng. Ngoài chi phí đóng bè, ngư dân còn phải mua sắm các máy móc, thiết bị như máy cho cá ăn (khoảng 3 - 4

triệu đồng) và máy nấu trộn cám (khoảng 5 - 6 triệu đồng).

+ *Giống cá.* Hai loại giống cá thường được nông dân sử dụng là cá Tra và cá Basa. Giá cá giống phụ thuộc vào kích cỡ con giống. Giá cá Basa giống vào khoảng 3500 đồng/con, trong khi đó cá Tra giống chỉ khoảng 500 - 1500 đồng/con, cá biệt có trường hợp mua được với giá 290 đồng/con.

+ *Thức ăn.* Thức ăn của cá Tra, cá Basa do người dân tự chế từ tấm, cám, bắp, rau muống, bí đỏ, khoai lang, cá biển (cá linh, cá cơm, cá trích...) hoặc bột cá với giá khoảng 2.000 đồng/kg. Vào mùa lũ, nguồn cá tạp rất nhiều, nông dân vớt cho cá ăn. Nhờ những yếu tố trên mà giá thành bình quân một kg thức ăn tự chế chỉ khoảng 1.800 - 2.000 đồng/kg, thậm chí còn thấp hơn đối với cá Tra nuôi hầm (tức là nuôi trong ao). Để có được một kg cá thành phẩm, phải tốn khoảng 3 kg thức ăn đối với cá Tra, và khoảng 4 kg thức ăn đối với cá Basa.

+ *Thuê lao động.* Các chủ hộ nuôi cá Tra, cá Basa thường thuê thêm 2 lao động (ngoài lao động trong gia đình) cho mỗi bè cá. Họ phải làm việc vất vả từ sáng tới đêm, vì một ngày phải cho cá ăn vài lần, thậm chí 5 - 6 lần. Tiền công trả cho mỗi lao động là khoảng 500.000 - 700.000 đồng/tháng, bao gồm cả tiền ăn. Ngoài ra còn tiền ăn sáng và chè thuốc hết khoảng 4.000 - 5.000 đồng/người/ngày, chưa kể tiền thưởng cuối mỗi vụ cá.

+ *Chi trả lãi vay ngân hàng.* Các hộ thường thế chấp bè cá để vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Công thương hoặc vay qua các Công ty chế biến xuất nhập khẩu. Lãi suất vay ngân hàng khoảng 0,75%/tháng, vay công ty khoảng 0,85% - 0,9%/tháng (do công ty tính thêm chi phí quản lý). Thời hạn vay khoảng 6 - 12 tháng, tức là trong khoảng một vụ nuôi. Để được quyền vay công ty, người dân phải ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với công ty. Người dân nuôi cá thường vay từ vài chục đến vài trăm triệu để sản xuất. Tuy nhiên, còn rất nhiều hộ phải vay nặng lãi của tư thương bên ngoài với mức lãi suất từ 2 - 3%/tháng, cá biệt có trường hợp phải vay với lãi suất cao đến 4%/tháng để duy trì bè, mua thức ăn cho cá...

và họ cũng thường bị tư thương ép giá khi thu hoạch cá.

+ *Các chi phí khác.* Ngoài các chi phí chính nêu trên, các hộ nuôi cá Tra, cá Basa còn phải chịu các chi phí khác như chi phí phòng và điều trị bệnh, chi phí nhiên liệu, chất đốt... (để chạy máy nghiền thức ăn) và thuế môn bài (khoảng vài trăm nghìn đến một triệu đồng, tùy theo số lượng bè). Tổng cộng các chi phí này vào khoảng vài triệu đồng cho một vụ cá.

Các chi phí này ở các hộ khác nhau thường có sự khác biệt nhau chút ít. Vì vậy, giá thành nuôi cá của các hộ cũng có sự khác nhau, dao động từ 8.000 đồng/kg đến 10.500 đồng/kg.

Cũng cần giải thích rằng có hai loại hình nuôi cá Tra và cá Basa, đó là nuôi bè và nuôi hầm. Giá xuất xưởng của hai loại này cũng khác nhau, cá Tra và cá Basa nuôi bè có giá thành cao hơn cá nuôi trong hầm do chi phí ban đầu cho bè và duy trì bè lớn hơn, trong khi chi phí chăm sóc cá tại hầm giảm hơn do tỷ lệ cá bị cuốn trôi ít hơn. Tính bình quân, mỗi kg cá bè có giá thành cao hơn cá hầm chừng 1.000 đ/kg. ở đây các giá được nói đến chủ yếu là cá bè, vì cá bè có chất lượng cao hơn dùng nhiều cho xuất khẩu, còn cá hầm số lượng nuôi chưa nhiều bởi vì nông dân không có đất.

#### *b. Phân tích đầu ra*

Tại thời điểm hiện nay (từ ngày 25 – 30 tháng 7 năm 2002), các công ty chế biến AGIFISH và AFIEX mua cá của dân với giá 13.600 - 13.800 đ/kg cá Tra, và khoảng 14.000 - 14.300 đ/kg cá Basa, còn Công ty đông lạnh Vĩnh Long mua với giá thấp hơn khoảng 1.000 - 1.200 đ/kg do phí vận chuyển từ An Giang về Vĩnh Long. Một số hộ nuôi ít thì bán cho tư thương. Những người này cũng đứng ra cho ngư dân vay với lãi suất khoảng 4%/tháng để đầu tư giống, mua thức ăn... Khi thu hoạch, những tư thương này sẽ mua cá của dân, với giá thấp hơn giá thu mua của công ty khoảng vài trăm đồng một kg. Nhưng tư thương thường hay ép giá khi mua cá bằng cách đánh xuống hạng (loại 1 đánh xuống loại 2), ép cân bằng cách trừ hao cá ồm, cá nhỏ...

*Như vậy, với giá hiện tại hầu hết những người nông dân nuôi cá Tra, cá Basa đều có lãi.*

### **3. Xác định những nguyên nhân làm cho người dân ở đồng bằng sông Cửu Long có thể sản xuất và xuất khẩu cá với giá thành hạ**

Người dân ở đồng bằng sông Cửu Long có thể sản xuất và xuất khẩu cá với giá thành hạ là vì những nguyên nhân sau :

*Thứ nhất, ngư dân đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản.*

Nghề nuôi cá Tra, cá Basa đã xuất hiện ở vùng đồng bằng sông Cửu Long từ những năm 60, 70. Gần 40 năm lăn lộn với nghề cá, ngư dân đã tích lũy được những kinh nghiệm vô cùng quý báu để có thể giảm tỷ lệ hao hụt (do cá bị ồm, bị chết) của cá và giảm chi phí đầu vào.

*Thứ hai, điều kiện tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long rất thích hợp cho nuôi trồng thủy sản.*

Lưu lượng nước sông lớn giúp cho ngư dân có thể nuôi được cá với mật độ dày, cho năng suất cao. Trên 1m<sup>3</sup> nước có thể đạt năng suất 120 - 150 kg, thậm chí lên đến 170 kg/m<sup>3</sup> cá thương phẩm. Đồng thời nước chảy xiết nên đủ lượng ô-xy cho cá, không cần phải tốn chi phí để quạt nước, tạo dòng chảy trong bè. Khí hậu lại ôn hòa, phù hợp với sự sinh trưởng quanh năm của cá. Ngư dân ở đây có thể nuôi cá vào bất kỳ thời điểm nào trong năm, vì vậy họ ít gặp trường hợp giá hạ trong mùa thu hoạch.

*Thứ ba, người nuôi cá Tra, cá Basa chỉ lấy công làm lãi, tận dụng lao động nông nhân, lao động cần cù.*

Từ đóng bè, mua giống, chế biến thức ăn... đến quá trình chăm sóc thu hoạch, các chủ hộ nuôi cá Tra, cá Basa ở đồng bằng sông Cửu Long đều tự mình xoay sở, các chủ hộ chỉ thuê thêm khoảng 2 lao động cho một bè cá.

*Thứ tư, ngư dân tìm kiếm sử dụng con giống mới.*

Trước năm 1998, nông dân nuôi chủ yếu là cá Basa, giá thành tương đối cao (khoảng 18.000 đ/kg cá Basa nguyên liệu). Đến năm 1998, lượng xuất khẩu giảm do khách hàng nước ngoài chê đắt, dân khó bán cá Basa nên chuyển sang nuôi cá Tra. So với cá Basa, cá Tra có nhiều ưu thế hơn dẫn đến giá thành

thấp hơn nhiều. Khi bán cho doanh nghiệp chế biến, giá hai loại cá này không chênh lệch nhau nhiều. Thịt cá Tra tốt không thua kém cá Basa. Giá thành sản phẩm cá Tra fillet thấp hơn bình quân 1 USD/kg so với cá Basa. Đây là yếu tố quan trọng làm giảm đáng kể giá xuất khẩu cá da trơn fillet của Việt Nam. Khi xuất ra nước ngoài, hai loại cá này đều có chữ “Basa” trong thương hiệu (cá Tra còn được gọi là “hypobasa”).

*Thứ năm, ngư dân tìm kiếm, sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương rẻ tiền để làm thức ăn cho cá.*

Như đã nêu ở trên, thức ăn nuôi cá chủ yếu do nông dân tự tìm và chế biến từ nguyên liệu địa phương và từ cá tạp vớt được trên sông. Nhờ vậy mà người dân có thể giảm được chi phí thức ăn cho cá.

*Thứ sáu, các doanh nghiệp chế biến cá xuất khẩu của Việt Nam luôn tìm mọi cách tiết kiệm, hạ thấp chi phí sản xuất.*

Các doanh nghiệp chế biến cá xuất khẩu của Việt Nam từ nhiều năm nay đã liên tục đổi mới dây chuyền sản xuất, đầu tư mua sắm trang thiết bị vào loại tiên tiến nhất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và hạ giá thành. Họ luôn tìm mọi cách tiết kiệm để giảm bớt chi phí sản xuất. Các phế liệu cá được tận dụng để chế biến thành thức ăn gia súc. Ngoài các sản phẩm cá fillet đông lạnh, các doanh nghiệp liên tục đưa ra thị trường các mặt hàng mới như chà bông cá (ruốc cá), khô cá, xúc xích cá, cá kho tộ, cá hun khói... Xương cá được chế biến thành dược liệu có giá trị kinh tế cao. Bao tử cá và da cá được chế biến thành món đặc sản. Ngoài ra, với nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào quanh năm, nên các nhà chế biến phát huy tối đa công suất của dây chuyền sản xuất, đạt tới 300 ngày sản xuất/năm và khấu hao nhanh tài sản. Nhờ vậy đã giảm đến 40% giá thành mỗi kg cá xuất khẩu so với giai đoạn bắt đầu tham gia vào thị trường xuất khẩu cách đây 5 năm.

### III. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÁ TRA, CÁ BASA CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG MỸ

Cá Basa Việt Nam bắt đầu thâm nhập thị trường Mỹ dưới cái tên là Catfish. Năm 1998,

sản phẩm cá fillet Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ với khối lượng là 259 tấn/năm. Sản lượng xuất năm 1999 là 859 tấn lên đến 7.800 tấn vào năm 2001 (tăng 760%) và hơn một vạn tấn vào ba tháng đầu năm 2002. Nếu xem xét sản lượng cá tiêu thụ hàng năm tại thị trường Mỹ thì số lượng cá xuất khẩu từ Việt Nam vào Mỹ không thấm vào đâu, chỉ chiếm không quá 2% tổng sản phẩm tiêu thụ trên thị trường.

Trong lúc số lượng cá xuất khẩu sang Mỹ ngày càng tăng lên, thì giá bán cá xuất khẩu FOB của Việt Nam ngày càng giảm đi, từ 2,61 USD/pound (1 pound = 0,454 kg) xuống còn 1,38 USD/pound năm 2001, và ở mức từ 1,15 - 1,5 USD/pound năm 2002.

Do chất lượng cá nhập khẩu từ Việt Nam thơm ngon và giá bán rẻ chỉ gần bằng 50% so với giá cá Nheo fillet Mỹ cùng loại, nên nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng Mỹ ngày càng tăng lên.

### IV. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG CÁ CATFISH Ở MỸ

Cá Nheo nuôi ở Mỹ chủ yếu tập trung ở 4 bang miền Nam là Missisipi, Alabama, Arkansas và Louisiana chiếm tới 90% sản lượng của toàn nước Mỹ. Sản lượng cá năm 2001 đạt khoảng hơn 300 nghìn tấn cá da trơn, với doanh số khoảng từ 400 - 500 triệu USD một năm. Năm 1970, các doanh nghiệp Mỹ mới chế biến 7.000 tấn cá, thì đến năm 2001 số lượng cá chế biến lên đến gần 300.000 tấn.

Từ năm 1990 đến nay, giá cá nheo nuôi đã giảm rất nhiều, ngay cả trước khi việc nhập khẩu cá da trơn từ Việt Nam gia tăng mạnh trong 2 năm 2001 - 2002. Giá trung bình năm 1991 là 65 cent/pound, giá trung bình năm 2001 là 55 cent/pound.

*Những nguyên nhân chính dẫn đến việc giảm giá cá nheo nuôi trên thị trường Mỹ là:*

*Thứ nhất, các chủ trại nuôi cá nheo Mỹ đã tăng đầu tư quá mức vào nghề này trong những năm gần đây, khiến tốc độ sản xuất cá cung cấp cho thị trường Mỹ tăng vượt quá tốc độ tăng cầu của thị trường này. Diện tích nuôi cá đã tăng từ 147.000 mẫu (đơn vị đo diện tích*

của Mỹ) năm 1995, lên đến 185.000 mẫu năm 2001. Theo số liệu thống kê chính thức của Bộ Nông nghiệp Mỹ cho thấy: sản lượng cá Nheo do những người nuôi cá Mỹ bán cho các nhà chế biến năm 2001 đạt 590 triệu pound, tăng gần 100 triệu pound so với vài năm trước đây. Cung vượt cầu là lý do quan trọng nhất khiến cho giá cá giảm đi.

*Thứ hai*, thức ăn gồm bột ngô và đậu nành là thành phần chủ yếu và chiếm phần lớn chi phí nuôi cá nheo, nhưng giá bột ngô và đậu nành trong những năm gần đây giảm mạnh, kéo theo giá cá nguyên liệu giảm.

*Thứ ba*, giá của sản phẩm cạnh tranh trực tiếp với cá Nheo nuôi là thịt gà giảm mạnh do giá thức ăn giảm và sản lượng tăng. Giá trung bình của thịt gà năm 2001 là 33 cent/pound, giảm 6 cent/pound so với giá trung bình các năm 1993 - 1998 và giảm 1 cent/pound so với giá trung bình các tháng đầu năm 2001. Giá thịt gà giảm làm cho giá cá buộc phải giảm theo.

*Thứ tư*, các nền kinh tế lớn trên thế giới như là Mỹ, Nhật Bản và EU đang ở trong tình trạng suy thoái, đặc biệt là sau sự kiện ngày 11-9-2001, khiến cho sức mua và nhu cầu tiêu dùng của dân cư bị suy giảm, đã có tác động trực tiếp làm giảm giá cá Nheo.

*Thứ năm*, cá Catfish hiện chỉ được phân phối tới một số bang nhất định, chứ chưa vươn tới được toàn bộ lãnh thổ Mỹ. Đó là sự thất bại trong chiến lược kinh doanh, gây khó khăn cho những người sản xuất và kinh doanh cá Catfish Mỹ, họ phải tự chịu trách nhiệm về những khó khăn của mình.

Như vậy, rõ ràng rằng việc tăng nhập khẩu cá da trơn của Việt Nam không phải là nguyên nhân làm giảm giá bán và lượng tiêu thụ cá Nheo nuôi nội địa của Mỹ. Giá giảm trong trường hợp này chỉ là một hiện tượng kinh tế diễn biến bình thường theo chu kỳ phát triển, do các nguyên nhân của sản xuất và tiêu thụ của chính thị trường Mỹ gây ra.

## V. NHỮNG LẬP LUẬN NHẪM PHẢN BÁC NỘI DUNG ĐƠN KIỆN CỦA HIỆP HỘI CÁC CHỦ TRẠI NUÔI CÁ NHEO MỸ (CFA) TỐ CÁO CÁC DOANH NGHIỆP

### VIỆT NAM BÁN PHÁ GIÁ SẢN PHẨM FILLET CÁ TRA VÀ CÁ BASA TRÊN THỊ TRƯỜNG MỸ.

Ngày 28-06-2002 Hãng luật Askin Gump là nguyên đơn, đại diện cho 8 doanh nghiệp Mỹ và các nhà nuôi cá Nheo (CFA), đã nộp đơn kiện đến Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ (USITC).

#### 1. Khái quát nội dung đơn kiện

Đối tượng bị kiện là sản phẩm fillet đông lạnh của cá Tra/Basa Việt Nam (thuộc họ Pangasidae loài *Pangasius Bocourti* và *Pangasius Hypophthalmus*) với sản phẩm cá Nheo Mỹ thuộc họ *Ictalurusidac* loài *Ictalurus Punctatus*. Họ thừa nhận là khác loài nhau, nhưng cho rằng chúng giống nhau về quy cách sản phẩm fillet.

1.1/ Lập luận rằng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nước không có nền kinh tế thị trường, các hoạt động kinh tế, ấn định giá cả đều có sự can thiệp của Nhà nước, sản xuất và tiêu thụ không theo quy luật cung cầu.

1.2/ Cho rằng công nhân Việt Nam bị trả lương thấp theo khung lương quy định của Nhà nước, điều đó làm giảm giá thành sản xuất, không công bằng trong thương mại.

1.3/ Sản phẩm cá Việt Nam nhập vào Mỹ ngày càng tăng, giá ngày càng giảm, cố tình làm lẫn lộn nhãn hiệu, bán cạnh tranh vào các kênh phân phối của họ, làm cho cá Catfish Mỹ phải giảm giá theo, giảm sản lượng và gây thiệt hại cho ngành Catfish Mỹ. Giá bán cá Tra/Basa dưới giá trị đúng với thị trường.

1.4/ Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam đang đặt ra kế hoạch phát triển sản phẩm cá Tra/Basa vào thị trường tại Mỹ sẽ đe dọa ngành này trong tương lai.

1.5/ Lấy ấn Độ làm nước có sản phẩm đồng dạng để so sánh (đó là loài cá Trê trắng *Clarias Batrachus*). Để từ đó tính giá thành sản xuất và đề nghị Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ và Bộ Thương mại Mỹ áp đặt mức thuế chống bán phá giá cho sản phẩm cá Tra/Basa fillet Việt Nam là 191% (khi xác định là Việt Nam không có nền kinh tế thị trường) hoặc 144% (có nền kinh tế thị trường).

## **2. Những lập luận nhằm phản bác lại nội dung đơn kiện của phía Mỹ**

### *2.1. Về nền kinh tế Việt Nam*

Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam đang vận động theo nền kinh tế thị trường, đặc biệt là đối với ngành nuôi trồng và chế biến xuất khẩu cá Tra, cá Basa. Mỗi quan hệ kinh tế giữa người nuôi (tư nhân chiếm tới 98%) và nhà chế biến là quan hệ sòng phẳng trên cơ sở hợp đồng mua bán theo giá thoả thuận ở từng thời điểm. Giá mua bán cá nguyên liệu đều do người mua và người bán tự quyết định trên cơ sở đảm bảo lợi nhuận cho cả đôi bên cùng có lợi, hoàn toàn không có sự can thiệp của Nhà nước như trợ giá hoặc bù lỗ đối với cá Tra, cá Basa, và thật sự vận động theo quan hệ cung cầu. Việc CFA cho rằng Việt Nam không có nền kinh tế thị trường và không theo quy luật cung cầu là cách lập luận mang tính chính trị, không đúng sự thật đối với thực tế nghề nuôi và chế biến cá Tra và cá Basa ở Việt Nam.

### *2.2. Về giá thành sản xuất và xuất khẩu cá Tra và cá Basa*

Giá thành chế biến và xuất khẩu đều căn cứ trên giá mua cá nguyên liệu, tỷ lệ chế biến, chi phí quản lý, nhân công và trị giá bán phụ phẩm để giảm giá thành sản xuất. Trên cơ sở tính đúng, tính đủ bảo đảm doanh nghiệp có lãi, đóng đầy đủ thuế cho Nhà nước và bảo đảm việc làm cho người lao động. Giá cá fillet đông lạnh xuất khẩu giảm đáng kể từ năm 2001 và 2002 là do người nuôi cá đồng bằng sông Cửu Long đã cải tiến được kỹ thuật nuôi. Đã nhân giống thành công cá Tra theo phương pháp nhân tạo, giá thành cá giống giảm nhiều lần so với con giống cá Basa. Tốc độ chuyển đổi đối tượng nuôi cá Tra trong bè tại An Giang thay cho cá Basa từ năm 1999 - 2000 tăng từ 30% lên đến 90% năm 2002 đã làm cho giá thành nguyên liệu giảm đến 43% (8.500 đ/kg so với 15.000 đ/kg cá Basa). Nhờ đó giá sản phẩm cá da trơn fillet xuất khẩu của ta đã giảm đáng kể, trong suốt thời gian từ 1999 - 2001 giảm từ 2,16 USD/pound xuống còn 1,38 USD/pound theo như CFA đã nêu trong đơn kiện, đó không phải là việc phá giá mà là do sự tiến bộ kỹ thuật nhờ cải tiến

điều kiện môi trường và chuyển đổi đối tượng nuôi tại Việt Nam, đã làm cho chi phí nuôi, sản xuất và giá thành chế biến cá fillet xuất khẩu giảm đi đáng kể. Điều đó phản ánh đúng giá trị thực của sản phẩm cá da trơn fillet, bằng chứng là các doanh nghiệp xuất khẩu cá trong thời gian qua như AGIFISH, NAVICO, AFIEX... đều có lãi.

### *2.3. Về số lượng cá Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ tăng làm cho số lượng tiêu thụ cá Nheo Mỹ bị giảm*

Theo thống kê năm 2001, tổng sản lượng cá Tra và cá Basa fillet Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ chỉ chiếm 1,7 - 2% tổng sản lượng cá da trơn trên thị trường Mỹ (theo bản tin IPS, do SEAFARE GROUP trích dẫn), là một số lượng rất nhỏ, không thể là nguyên nhân chính làm giảm giá và sản lượng cá Nheo tại Mỹ, mà là do nền kinh tế Mỹ trong những năm 2000 - 2001 đã có dấu hiệu suy thoái chung, làm mức tiêu thụ và giá cả nhiều mặt hàng bị giảm. Đặc biệt, sau sự kiện ngày 11-09-2001 nước Mỹ đã tuyên bố trong tình trạng chiến tranh chống khủng bố, các khu vực giải trí, vui chơi ở những thành phố lớn giảm mạnh số lượng người tham gia, nhiều mặt hàng tiêu dùng khác cũng bị giảm giá, chứ không riêng mặt hàng cá da trơn fillet, cụ thể mặt hàng tôm đông lạnh đã giảm giá 30%, các dịch vụ hàng không thua lỗ nặng đã sa thải nhiều nghìn công nhân, các ngành tài chính, chứng khoán, tin học, du lịch đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng sau vụ khủng bố trên.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nguyên nhân làm giảm sản lượng và giá cá Nheo fillet tại Mỹ là do thực trạng của chính nền kinh tế Mỹ gây ra, chứ không phải do cá Tra và Basa fillet nhập khẩu từ Việt Nam vào Mỹ chỉ với lượng nhỏ bé 1,7 - 2% gây ra.

Sản phẩm cá Tra, Basa fillet của Việt Nam được chế biến theo quy trình kỹ thuật chung cho sản phẩm cá fillet, có chất lượng thơm, ngon, thịt trắng hơn hẳn cá Nheo Mỹ. Các quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn phân loại, bao bì đóng gói đều đáp ứng theo đúng yêu cầu của khách hàng là người tiêu dùng Mỹ. Vì thế không thể vô cớ nói rằng sản

phẩm cá fillet Tra/Basa được chế biến nhái theo cá Nheo Mỹ.

Một nguyên nhân nữa đã góp phần làm tăng sản lượng cá Tra, Basa fillet nhập khẩu vào Mỹ từ Việt Nam cũng chính do sự khuấy động thường xuyên của Hiệp hội các nhà nuôi cá Nheo Mỹ (CFA) khi họ kiện liên tục về vấn đề nhãn hiệu Catfish, về phá giá... Các phương tiện thông tin đại chúng tại Mỹ cũng như các cơ quan Chính phủ, những chính khách Mỹ nói nhiều về đề tài cá Tra và Basa Việt Nam và đã vô tình làm quảng cáo cho sản phẩm cá này. Thực tế cho thấy từ sau thời điểm cuối năm 2001 đến tháng 3/2002 ngày càng nhiều khách hàng tại Mỹ và nhiều nơi khác trên thế giới như EU, Trung đông, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Canada quan tâm đến sản phẩm cá Tra và cá Basa của Việt Nam và đã thiết lập các mối quan hệ làm ăn, giúp cho Việt Nam mở thêm được nhiều thị trường mới. Từ đó đòi hỏi các nhà chế biến Việt Nam phải mở rộng sản xuất, tăng cường năng lực chế biến, và người ngư dân ở đồng bằng sông Cửu Long cũng phải tích cực nuôi để có nhiều sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu của thị trường.

Ngoài ra, việc ngày càng xảy ra các dịch bệnh như bò điên, gà cúm, heo lở mồm long móng của nhiều nước trên thế giới đã làm thay đổi tập quán người tiêu dùng, họ không còn muốn ăn nhiều loại sản phẩm thịt, mà chuyển sang ăn hải sản cá, tôm. Do đó, nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng, đòi hỏi những nhà nhập khẩu không ngừng mở rộng và tìm kiếm những nguồn cung cấp mới có giá thành hạ nhất. Việt Nam là một nước có đủ điều kiện để đáp ứng những yêu cầu trên, mà từ đó ngành nuôi trồng cá Tra và cá Basa Việt Nam có cơ hội phát triển.

*2.4. Về tiền lương công nhân trong các xí nghiệp chế biến cá tại Việt Nam.*

Trong các xí nghiệp chế biến cá fillet ở Việt Nam, thu nhập công nhân dựa trên năng suất lao động do chính họ làm ra, làm nhiều hưởng nhiều làm ít hưởng lương ít, các đơn vị chế biến cá không thể sử dụng khung lương Nhà nước quy định để trả cho công nhân, mà phải áp dụng cơ chế lương sản phẩm ngay từ lúc

bắt đầu hoạt động, mới đảm bảo công bằng và thu nhập đúng thực tế. Việc cho rằng công nhân trong các nhà máy chế biến ở Việt Nam bị trả lương thấp nhằm mục tiêu giảm giá thành là hoàn toàn không đúng sự thật.

Lấy trường hợp lương công nhân ở xí nghiệp đông lạnh thủy sản AFIEEX làm ví dụ so sánh :

- Nếu đạt năng suất trung bình và thời gian làm việc 26 ngày/tháng thì một công nhân Việt Nam sẽ có thu nhập khoảng 1.000.000 đồng/tháng, với mức lương này họ chưa phải đóng thuế thu nhập, chi phí thuê mướn nhà rất ít hoặc là không có, và chi phí bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là rất thấp. Họ có thể mua được 450 kg gạo (lấy gạo làm giá trị cơ bản để so sánh với giá là 2.500 đ/kg).

- So với một lao động cùng ngành nghề tại Mỹ với mức lương 8 - 10 USD/giờ x 8 giờ/ngày x 5 ngày/tuần x 4 tuần thì thu nhập sẽ là khoảng 1.500 USD/tháng. Nếu họ phải đóng tiền thuế thu nhập 40% cùng các chi phí bảo hiểm khác, trả tiền thuê nhà 200 USD/tháng thì thu nhập còn lại khoảng 600 USD một tháng. Với số tiền này họ cũng chỉ mua được số gạo tương đương là 460 kg (với giá gạo bán lẻ ở Mỹ là 1,3 USD/kg).

Như vậy, có thể nhận thấy rõ rằng thu nhập của một lao động trong cùng ngành nghề chế biến cá tại Việt Nam và tại Mỹ có giá trị so sánh gần tương đương nhau.

*2.5. Việc lấy cá Trê trắng ấn Độ để so sánh với cá Tra và cá Basa Việt Nam là không thực tế vì:*

- Mật độ và năng suất cá Trê của ấn Độ kể cả cá nheo Mỹ là 20 - 30 tấn/ha thấp hơn 10 lần so với cá Tra của Việt Nam đạt 200 - 300 tấn cá/ha.

- Do năng suất thấp nên giá thành nguyên liệu cá Trê trắng ấn Độ rất cao là 0,54 USD/pound (theo phụ lục 21 của CFA) tương đương 18.000 đ/kg, cao hơn giá cá Tra sống tại Việt Nam 33% vào thời điểm ngày 25-7-2002. Tỷ lệ chế biến cá Trê là 3,5/1 trong lúc đối với cá Tra fillet là 3,2/1 tức là cao hơn 10% so với cá Việt Nam.

- Các chỉ số lãi định mức xí nghiệp 20,1% và lãi bán buôn là 38% (theo phụ lục 16 của

CFA) là không thực tế và rất cao nếu so với cách tính của doanh nghiệp Việt Nam thường tới đa chỉ là 10%.

Rõ ràng là có những sự khác biệt rất lớn giữa cá Trê trắng ấn Độ với cá Tra và cá Basa Việt Nam. Nếu dựa vào đó để tính giá thành cá fillet ấn Độ thì hoàn toàn không thể xem là tương đồng để so sánh với cá Tra và cá Basa của Việt Nam. Mặt khác, ngay tại Việt Nam giá cá Trê trắng là 18.000 đ/kg cao hơn nhiều giá cá Tra chỉ có 12.000 - 14.000 đ/kg (thấp hơn 27%).

#### *2.6. Về cách tính biên độ phá giá*

Sự áp đặt tỷ lệ lợi nhuận xí nghiệp bằng 20,3% và tỷ lệ lợi nhuận xuất khẩu bằng 38,3% (theo phụ lục 16, phụ lục 21 của CFA) để cấu thành mức giá 3,33 USD/pound (hoặc 2,78 USD/pound) và từ đó tính ra biên độ phá giá là 191% (hoặc 144%) là hoàn toàn vô lý không đúng với thực tế của Việt Nam.

*2.7. Việc cáo buộc Việt Nam có kế hoạch xuất khẩu ồ ạt đe dọa ngành cá Nheo Mỹ là vô lý.*

Việc cáo buộc Chính phủ Việt Nam (Bộ Thủy sản, VASEP) đang triển khai các kế hoạch phát triển rầm rộ sản xuất, chế biến cá Tra và cá Basa để tăng cường bán vào thị trường Mỹ, đe dọa ngành cá Nheo Mỹ, gây tổn hại vật chất và thiệt hại cho CFA là hoàn toàn vô căn cứ.

Hiện tại, ngoài thị trường Mỹ các doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra và cá Basa của Việt Nam đang có nhiều thị trường khác như EU, Trung Đông, Nhật, Ôxtralia... đang có nhiều nhu cầu nhập khẩu sản phẩm cá fillet thịt trắng của Việt Nam. Đặc biệt thị trường Trung Quốc đang có nhu cầu lớn và đầy triển vọng cho nghề cá Việt Nam. Chỉ cần 1/10 số dân Trung Quốc ăn mỗi người 1 kg cá fillet mỗi năm thì nhu cầu sản lượng cá fillet phải trên 100 nghìn tấn một năm. Như vậy, cả chương trình phát triển thủy sản của Việt Nam nếu có thực hiện được thì từ nay đến 2005 cũng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu to lớn nói trên.

*2.8. Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong chăn nuôi cá.*

Các tiêu chuẩn chất lượng giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm trong chăn nuôi cá ở Việt Nam luôn được tôn trọng và duy trì bằng các kiểm tra thường xuyên của các cơ quan có trách nhiệm. Mỗi bè hay hầm cá, nếu muốn được bán cho các nhà chế biến hoặc xuất khẩu, cần phải đạt được tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn. Công ty chế biến kiểm tra chất lượng cá của các bè nuôi cá ba lần, lần 1 vào khoảng 2 tháng trước khi đánh bắt, lần 2 vào một tháng trước khi thu hoạch, và lần 3 vào một tuần trước khi thu hoạch. Hơn nữa các hộ nông dân cũng phải tự áp dụng các biện pháp quản lý nghiêm ngặt để hạn chế rủi ro, bảo toàn nguồn vốn của mình mà hầu hết họ phải đi vay. Nếu điều kiện nuôi quá xấu không đảm bảo, cá có thể nhiễm bệnh chết hàng loạt, thì người đầu tiên chịu thiệt hại chính là họ.

Toàn bộ số cá được chế biến nếu muốn được xuất khẩu đều phải đạt được các tiêu chuẩn vệ sinh đầy đủ của Bộ Thủy sản và các cơ quan liên quan. Trung tâm kiểm tra chất lượng vệ sinh thủy sản của Bộ Thủy sản là cơ quan giám sát và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn này. Nếu số cá này muốn xuất khẩu vào thị trường nước ngoài như EU, Nhật, Hồng Công hay Mỹ thì chúng buộc phải đạt được tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm của nước nhập khẩu. Chính vì vậy, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá Việt Nam đã áp dụng các quy định quản lý chất lượng nghiêm ngặt của châu Âu và Mỹ. Các quy trình quản lý chất lượng chung như ISO 2001 hay các quy trình quản lý riêng cho chế biến thủy sản như HACCP đều được áp dụng và kiểm tra nghiêm ngặt.

Về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm của Catfish Việt Nam. Hiệp hội chủ trại nuôi cá Nheo Mỹ đã bỏ ra rất nhiều công sức và tiền của để tiến hành những chiến dịch tuyên truyền rộng lớn trên các mạng thông tin đại chúng, để bôi xấu hình ảnh của cá Tra và cá Basa Việt Nam, chống lại việc nhập khẩu các loại cá này. Tuy nhiên, sự thật là các loại cá da trơn của Việt Nam có chất lượng cao, thơm ngon, cơ thịt mềm mại, được xuất khẩu sang nhiều thị trường trên thế giới và được người tiêu dùng của các nước này ngày càng ưa

chuyện. Đồng thời chất lượng sản phẩm và chất lượng nước để nuôi cá hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh và sức khỏe của người tiêu dùng Mỹ. Từ năm 1998, chương trình kiểm soát dư lượng thủy sản nuôi đã được thực hiện trên các vùng nuôi tập trung của Việt Nam, kết quả giám sát thường xuyên được gửi đến Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) và chương trình này đã được chính FDA công nhận. Còn sau khi các phương tiện thông tin đại chúng ở Mỹ rùm beng về chất lượng Catfish Việt Nam, tháng 11-2000, một đoàn 20 thành viên gồm các giáo sư của trường Đại học Auburn, một số công ty nuôi và chế biến cá Nheo Mỹ do chủ tịch Hiệp hội nuôi cá Nheo của bang Alabama dẫn đầu, đã sang Việt Nam tìm hiểu tình hình nuôi và chế biến cá Tra và cá Basa tại các bè cá, ao nuôi và các nhà máy chế biến tại An Giang và Cần Thơ. Đoàn đã đánh giá tốt về công nghệ nuôi, chế biến, điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của cá da trơn Việt Nam.

### 2.9. Về vấn đề trợ cấp của Chính phủ cho người nông dân nuôi cá và xuất khẩu cá.

Tất cả những người chăn nuôi, chế biến và xuất khẩu cá ở Việt Nam đều khẳng định không hề có bất cứ một sự tài trợ nào, kể cả tài chính và pháp lý của Nhà nước Việt Nam cho việc nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá Tra, cá Basa ở Việt Nam. Hầu hết các nhà chế biến và xuất khẩu đều tổ chức sản xuất từ khâu đầu đến khâu cuối như sản xuất cá giống, thức ăn nuôi cá, tổ chức nuôi, chế biến đến xuất khẩu sản phẩm.

Người dân nuôi cá từ làm bè, mua giống, thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật... đến quá trình chăm sóc, các chủ hộ nuôi cá Tra, Basa ở đồng bằng sông Cửu Long đều phải tự mình xoay sở mua theo giá thị trường. Thiếu vốn phải vay ngân hàng trả lãi 0,7 - 0,75%/tháng, nếu vay của công ty chế biến phải chịu lãi suất là 0,85 - 0,9%/tháng (do công ty tính thêm chi phí quản lý) hoặc là vay vốn của tư nhân với mức lãi suất cao từ 3 - 4%/tháng. Giá cá lên xuống thất thường các hộ đều phải tự lo liệu. Với giá bán như hiện nay khoảng 13.000 - 13.5000 đồng/kg, các hộ nuôi cá Tra, Basa đã

có lãi. Hoàn toàn không dựa vào bất cứ sự trợ cấp nào của Nhà nước.

### 2.10. Việc dùng tên cá "Catfish" cho sản phẩm cá xuất khẩu của Việt Nam không nhằm mục đích tạo ra sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng Mỹ.

Về lý do Hiệp hội các chủ trại nuôi cá Nheo của Mỹ cho rằng Việt Nam đã sử dụng tên cá "Catfish" trên nhãn hiệu hàng hóa để tạo sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng Mỹ. Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam khẳng định rằng: các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá Tra và cá Basa của Việt Nam hoàn toàn không muốn hai loài cá da trơn này của Việt Nam bị nhầm lẫn là cá Nheo nuôi ở Mỹ. Cá Tra và cá Basa của Việt Nam là các loài cá đặc hữu của vùng châu thổ sông Mê Công thuộc giống Pangasius, họ Pangasiidae, bộ Siluriformes - bộ cá gồm hơn 2.500 loài cá da trơn, phân bố trên khắp thế giới, kể cả cá Nheo Mỹ (*Ictalurus Punctatus*) cũng có chung tên tiếng Anh là "Catfish". Về mặt khoa học và tập quán thương mại, không thể lấy tên một nhóm sản phẩm lớn của thủy sản thế giới để dành riêng cho một loài nào trong số đó. Việc Mỹ giành lấy tên "Catfish" cho riêng loài cá Nheo Mỹ là không thỏa đáng.

Về phía mình các doanh nghiệp Việt Nam đã thực hiện nghiêm túc Quyết định số 178/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Bộ Thủy sản, Bộ Thương mại về việc ghi nhãn mác hàng hóa. Trên tất cả các bao bì của sản phẩm thủy sản xuất khẩu đều ghi rõ dòng chữ tiếng Anh "Sản phẩm của Việt Nam" hoặc "Sản xuất tại Việt Nam" và thực hiện việc ghi đầy đủ cả tên khoa học lẫn tên thương mại theo đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Mỹ là Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ đối với các sản phẩm xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Cụ thể là: đối với cá Basa - tên khoa học là *Pangasius Bocourti*, tên thương mại: Basa, Bocourti Catfish. Đối với cá Tra - tên khoa học *Pangasius Hipophthalmus*, tên thương mại: Swai Striped Catfish, Sutchi Catfish.

## VI. KẾT LUẬN

Vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam với sự ưu đãi của thiên nhiên cùng với kinh nghiệm và truyền thống lâu đời, đã nuôi dưỡng và phát triển được giống cá quý, đó là cá Tra và cá Basa, và sản phẩm cá fillet Việt Nam ngày càng được khách hàng khắp nơi trong và ngoài nước ưa chuộng, là niềm tự hào cho ngành thủy sản Việt Nam.

Việc Hiệp hội các chủ trại nuôi cá Nheo Mỹ đưa ra những lập luận sai trái để yêu cầu Bộ Thương mại Mỹ và Ủy ban Thương mại quốc tế Mỹ áp đặt thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm fillet cá Tra và cá Basa Việt Nam là một hình thức nhằm tăng cường sự bảo hộ nội địa, không thể hiện sự cạnh tranh công bằng, sòng phẳng đúng với tinh thần của nền kinh tế thị trường và mạo hiểm tự do mà Mỹ thường luôn luôn nói tới.

Các doanh nghiệp Việt Nam cho rằng việc CFA kiện các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá sản phẩm fillet cá Tra và cá Basa trên thị trường Mỹ là không phù hợp, mơ hồ và trái với các nguyên tắc thương mại công bằng. Các doanh nghiệp Việt Nam khẳng định có đầy đủ cơ sở và chứng cứ thực tế để chứng minh rằng: họ không bán phá giá sản phẩm fillet cá Tra và cá Basa trên thị trường Mỹ; và các doanh nghiệp Việt Nam cũng hoàn toàn không có bất kỳ sự trợ cấp nào của Chính phủ cho việc sản xuất và xuất khẩu sản phẩm fillet cá Tra và cá Basa sang thị trường Mỹ.

Phía Việt Nam đề nghị Ủy ban Thương mại quốc tế Mỹ và Bộ Thương mại Mỹ khi xem xét vụ kiện, cần xét đến lợi ích của cả hai bên, đặc biệt là lợi ích của nhiều nông dân nghèo nuôi cá ở Việt Nam và lợi ích của người tiêu dùng Mỹ trong việc được lựa chọn sản phẩm cá với giá cả phải chăng và chất

lượng tốt. Mọi quyết định được đưa ra cần được đặt trong bối cảnh thực hiện các cam kết giữa hai Chính phủ Mỹ và Việt Nam về thương mại công bằng và cùng có lợi và vì quyền lợi của số đông người dân ở cả hai nước./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO :

1. “Kết quả nghiên cứu nhanh các ảnh hưởng của vụ CFA kiện các doanh nghiệp thành viên VASEP đối với nghề nuôi cá Tra và Basa tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”.
- Tổ chức ActionAid Việt Nam có trụ sở tại Anh Quốc, phối hợp với Hội nghề cá Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, tổ chức Oxfam Hồng Công, Báo trực tuyến VASC Orient. Tháng 8 - 2002.
2. Báo cáo tham luận của ông Bửu Huy. Phó giám đốc Công ty XNK Nông sản thực phẩm An Giang. Ngày 03-07-2002.
3. “Thời báo kinh tế Việt Nam”, ngày 17-7-2002; 26-7-2002; 12-8-2002
4. Tạp chí “Thủy sản”. Tháng 7-2002
5. Tạp chí “Những vấn đề kinh tế thế giới”, số 1(75) 2002.
6. Tạp chí “Công nghiệp Việt Nam”, số 24, 2002.
7. Báo “An ninh thế giới”, ngày 18-7-2002.
8. Báo “Đầu tư”, ngày 15-7-2002; 12-8-2002.
9. Báo “Hà Nội mới”, ngày 19-7-2002; 15-8-2002.
10. “Thời báo kinh tế Sài Gòn”, ngày 24-1-2002; 18-7-2002.
11. Tạp chí “Thương Mại”, số 19/2002.
12. Báo “Doanh nghiệp”, ngày 11-7-2002; 18-7-2002
13. Báo “An Giang”, ngày 29-7-2002.
14. “Quốc tế”, số 28 /2002.
15. “Tin kinh tế”, TTX Việt Nam, 25-7-2002; 02-08-2002; 12-8-2002.
16. Tạp chí “Ngoại thương”, ngày 10-8-2001.